

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 14 -11-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Liên

2. Ông Trần Thái Sơn

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: Bà Đồng Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/10/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm 1975; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 020, tổ 10, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quyết Th, sinh năm 1969. Nơi ĐKKHKT: Số nhà 020, tổ 10, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. Chỗ ở hiện nay: 163 Lương Định C, phường An K, thành phố Thủ Đ- thành phố H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố L, Chị Hà Thị T là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quyết Th kết hôn ngày 21/5/1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chăn N, huyện Mường L1, tỉnh L (Cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã Chăn N, huyện S, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay hai anh chị đã sống ly thân. Chị Hà Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Quyết Th.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quyết Th có 2 con chung, con thứ nhất tên là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 14/6/1999; Con thứ hai tên là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/9/2001. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lập, tự nuôi sống bản thân, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Quyết Th vắng mặt và có văn bản nêu ý kiến về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chăn N, huyện Mường L1, tỉnh L (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã Chăn N, huyện S, tỉnh L. Quá trình chung sống do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện đã sống ly thân. Anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh và chị Hà Thị T có 02 con chung, con thứ nhất tên là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 14/6/1999; Con thứ hai tên là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/9/2001. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; Xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; Thu thập chứng cứ khách quan, công khai; Ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân & gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quyết Th. Về việc nuôi con: Các con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, chị T và anh Th đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề giải quyết. Về chia tài sản: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Hà Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại thành phố L, tỉnh L, xác định vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Bị đơn là anh Nguyễn Quyết Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại tòa nhưng đã gửi văn bản nêu ý kiến bị đơn và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Nguyễn Quyết Th và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị Hà Thị T có mặt, anh Nguyễn Quyết Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 254 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 21 tháng 5 năm 1993, chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chấn N, huyện Mường L1, tỉnh L (Cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã Chấn N, huyện S, tỉnh L trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng không được như mong muốn. Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th đã sống ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian đó, hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau vun vén hạnh phúc gia đình; không chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến thời điểm này chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về việc nuôi con: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 14/6/1999 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/9/2001. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Chị Hà Thị T và anh và anh Nguyễn Quyết Th đều không đặt vấn đề nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về chia tài sản: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức Thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân & gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức Thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quyết Th.

2. Việc nuôi con: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 14/6/1999 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/9/2001. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi. Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Về chia tài sản: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Quyết Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Hà Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001334 ngày 18/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*). Xác nhận chị Hà Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- THADS TP.L;
- UBND xã Chăn N, huyện S, tỉnh L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết

